|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PHỤ LỤC XXII** | **PHỤ LỤC XVII** |  |
| **CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN HỌC TẬP PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA** *(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2017/TT-BGTVT ngày 20 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)* | **CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN HỌC TẬP PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA** *(Ban hành kèm theo Thông tư số …/2024/TT-BGTVT ngày … tháng … năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)* |  |
|  | **Đối tượng tuyển sinh:** Theo thông tư số 40/2019/TT-BGTVT và Thông tư số 38/2023/TT-BGTVT; Thông tư số 43/2015/TT-BLĐTBXH và Thông tư số 34/2018/TT-BLĐTBXH | Bổ sung quy định về đối tượng tuyển sinh theo các văn bản QPPL hiện hành |
|  | **Chứng chỉ cấp sau tốt nghiệp:** Giấy chứng nhận học tập pháp luật về giao thông Đường thủy nội địa | Bổ sung để thống nhất với các chương trình đào tạo khác |
| **CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN HỌC TẬP PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA** |  | Bỏ do trùng với tiêu đề |
| I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO | I. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO |  |
| 1. Kiến thức | 1. Kiến thức |  |
| Hiểu cơ bản các quy tắc giao thông và nhận biết một số báo hiệu đường thủy nội địa; hiểu một số quy định về vận tải hàng hóa, hành khách. | Trình bày được các quy tắc giao thông và nhận biết một số báo hiệu đường thủy nội địa; nêu được một số quy định về vận tải hàng hóa, hành khách. |  |
| 2. Kỹ năng | 2. Kỹ năng |  |
| Áp dụng được một số quy tắc giao thông và tín hiệu của phương tiện vào thực tế; hiểu đặc tính cơ bản của một số hàng hóa trong vận chuyển, xếp dỡ, giao nhận; biết một số quy định về vận tải hàng hóa, hành khách. | Áp dụng được quy tắc giao thông và tín hiệu của phương tiện vào thực tế; nêu được các đặc tính cơ bản của hàng hóa từ đó có phương pháp vận chuyển, xếp dỡ, giao nhận phù hợp; nêu và thực hiện quy định về vận tải hành khách. |  |
| 3. Thái độ, đạo đức nghề nghiệp | 3. Năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm |  |
| Có ý thức rèn luyện để nâng cao trình độ nghiệp vụ, có thói quen lao động nghề nghiệp, sống lành mạnh phù hợp với phong tục, tập quán và truyền thống văn hóa dân tộc. | Có ý thức rèn luyện để nâng cao trình độ nghiệp vụ, có thói quen lao động nghề nghiệp, sống lành mạnh phù hợp với phong tục, tập quán và truyền thống văn hóa dân tộc. |  |
| II. THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC | II. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC VÀ THỜI GIAN CỦA KHÓA HỌC | Điều chỉnh tên mục phù hợp với nội dung của mục |
|  | 1. Số lượng môn học đào tạo: 02 | Bổ sung để thống nhất các chương trình khác |
| Thời gian của khóa học: 07 giờ. | 2. Thời gian của khóa học: 07 giờ, bao gồm: |  |
|  | a) Thời gian học lý thuyết, thực hành: 06 giờ | Chi tiết thời gian học và kiểm tra |
|  | b) Thời gian kiểm tra đánh giá kết thúc mô đun: 01 giờ | Chi tiết thời gian học và kiểm tra |
| III. DANH MỤC MÔN HỌC (MH) VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO | III. DANH MỤC MÔN HỌC (MH) VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO |  |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Mã MH** | **Tên môn học** | **Thời gian đào tạo (giờ)** | | MH 01 | Pháp luật về giao thông đường thủy nội địa | 4 | | MH 02 | Vận tải hàng hóa và hành khách | 3 | | **Tổng cộng** | | **7** | | |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Mã MH** | **Tên môn học** | **Thời gian đào tạo (giờ)** | | MH 01 | Pháp luật về giao thông đường thủy nội địa | 4 | | MH 02 | Vận tải hàng hóa và hành khách | 3 | | **Tổng cộng** | | **7** | |  |
|  | IV. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH |  |
|  | 1. Hình thức đào tạo: |  |
|  | Áp dụng hình thức đào tạo trực tiếp. | Bổ sung quy định hình thức đào tạo để các cơ sở đào tạo thực hiện |
|  | 2. Kiểm tra kết thúc môn học: |  |
|  | - Người học phải tham gia đầy đủ thời gian học thì mới đủ điều kiện dự kiểm tra kết thúc môn học.  - Nội dung, hình thức, thời gian tổ chức kiểm tra do người đứng đầu cơ sở đào tạo quyết định.  - Điểm tổng kết các môn học, mô đun phải đạt từ 5,0 trở lên mới đủ điều kiện công nhận kết quả và cấp chứng chỉ. | Bổ sung hướng dẫn cho cơ sở đào tạo |
|  | 3. Công nhận kết quả và cấp chứng chỉ: |  |
|  | Căn cứ kết quả đánh giá, cơ sở đào tạo xét công nhận và cấp chứng nhận theo quy định. |  |
|  | 4. Hướng dẫn khác: |  |
|  | - Cơ sở đào tạo xây dựng chương trình chi tiết cho từng môn học đảm bảo nội dung phù hợp; đảm bảo số giờ lý thuyết, số giờ thực hành và số giờ kiểm tra theo đúng quy định.  - Định kỳ hàng năm, nội dung các môn học trong chương trình phải được rà soát và cập nhật vào chương trình chi tiết cho phù hợp với thực tế. | Bổ sung hướng dẫn cho cơ sở đào tạo |
| IV. CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC |  | Bỏ việc quy định chương trình chi tiết để các cơ sở đào tạo chủ động xây dựng giáo trình, tài liệu, thống nhất với quy định tại điểm c khoản 3 Điều 6 của dự thảo Thông tư. |
| 1. Tên môn học: **PHÁP LUẬT VỀ GIAO THÔNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA** |  |  |
| a) Mã số: MH 01. |  |  |
| b) Thời gian: 04 giờ. |  |  |
| c) Mục tiêu: Giúp người học hiểu một số quy tắc giao thông cơ bản và nhận biết một số báo hiệu đường thủy nội địa. |  |  |
| d) Nội dung: |  |  |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Nội dung** | **Thời gian đào tạo (giờ)** | | 1 | Bài 1: Quy tắc giao thông đường thủy nội địa | 2 | | 2 | Bài 2: Các loại báo hiệu đường thủy nội địa | 2 | | **Tổng cộng** | | **4** |   đ) Hướng dẫn thực hiện môn học: |  |  |
| Căn cứ vào các văn bản pháp luật về giao thông đường thủy nội địa và các tài liệu tham khảo đưa ra nội dung bài học lý thuyết. |  |  |
| 2. Tên môn học: **VẬN TẢI HÀNG HÓA VÀ HÀNH KHÁCH** |  |  |
| a) Mã số: MH 02. |  |  |
| b) Thời gian: 03 giờ. |  |  |
| c) Mục tiêu: Giúp người học có khả năng hiểu một số quy định về vận tải hàng hóa, hành khách. |  |  |
| d) Nội dung: |  |  |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | | **STT** | **Nội dung** | **Thời gian đào tạo (giờ)** | | 1 | Bài 1: Một số quy định về vận tải hàng hóa | 1,5 | | 2 | Bài 2: Một số quy định về vận tải hành khách | 1,5 | | **Tổng cộng** | | **3** |   đ) Hướng dẫn thực hiện môn học: |  |  |
| Căn cứ vào các quy định về vận tải đường thủy nội địa và các tài liệu tham khảo đưa ra nội dung bài học lý thuyết. |  |  |